

Số: 740 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ - CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Xét hồ sơ kèm theo đề nghị của Chi nhánh 2 Công ty TNHH Việt - Úc tại Văn bản số 15/VU-2024 ngày 04/11/2024 về việc đề nghị thẩm định cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 01/VBGT/VU ngày 17 tháng 03 năm 2025 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường Cơ sở Khai thác mỏ cát xây dựng lòng suối Tha La tại xã Tân Phú và xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 593./TTr-SNNMT ngày 18/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Chi nhánh 2 Công ty TNHH Việt – Úc, địa chỉ tại đường 785, tổ 12, ấp Tân Hòa, xã Tân Phú, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Khai thác mỏ cát xây dựng lòng suối Tha La tại xã Tân Phú và xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Khai thác mỏ cát xây dựng lòng suối Tha La.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Tân Phú và xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh có mã số chi nhánh: 3900436884-002 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 09 năm 2014.

1.4. Mã số thuế: 3900436884-002.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường (cát xây dựng).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

1.6.1. Cơ sở thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

1.6.2. Diện tích:

- Khu vực khai thác: 58.000 m² (Khu I: 296.400m² và Khu II: 283.600m²).

- Khu vực bãi tập kết: 5,47 ha.

1.6.3. Tổng công suất khai thác: 31.500 m³ nguyên khối/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh 2 Công ty TNHH Việt - Úc:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chi nhánh 2 Công ty TNHH Việt - Úc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Công ty phải thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý liên quan về đất đai, khoáng sản, xây dựng và các quy định pháp luật liên quan trước khi thực hiện khai thác cát.

2.3. Công khai Giấy phép môi trường của Cơ sở đã được cấp phép trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND xã, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu

tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.5. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.6. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.7. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.8. Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm đã nêu tại Điều 2 Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn lần 2) số 581/GP-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép **10 năm**, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Tân Châu và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và 3Môi trường;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Sở NN&MT;
- UBND huyện Tân Châu;
- UBND xã Tân Phú;
- UBND xã Tân Hưng;
- Chi nhánh 2 Công ty TNHH Việt - Úc;
- Đăng công thông tin điện tử Sở NN&MT;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

§

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số740...../GPMT-UBND
ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của công nhân viên tại khu vực bãi tập kết, lưu lượng 2,9 m³/ngày (không thuộc đối tượng cấp phép xả nước thải).
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của tàu khai thác cát với lưu lượng khoảng 0,27 m³ /ngày (không thuộc đối tượng cấp phép xả nước thải).
- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ hoạt động tập kết cát tại bãi tập kết, lưu lượng 461 m³/ngày (lưu lượng nước thải lớn nhất được lấy vào thời gian cao điểm của mùa mưa trong năm).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Có 01 (một) dòng nước thải sau hệ thống xử lý từ nguồn số 3 đạt quy chuẩn quy định xả vào nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Hồ Dầu Tiếng thuộc ấp Tân Hoà, xã Tân Phú, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°): X= 1273712; Y= 574461.

- Điểm xả nước thải ra hồ Dầu Tiếng có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 461 m³/ngày.đêm (tương đương 19,21 m³/giờ).

2.4.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau hồ lắng 3 đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A (hệ số $k_q=1,0$; $k_f=1,1$) theo 02 đường ống nhựa uPVC Ø220mm, dài 8m, đặt âm dưới mặt đất 0,5m tự chảy ra hồ Dầu Tiếng.

Hình thức xả: Tự chảy.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24/24 giờ.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với hệ số $k_q=1,0$; $k_f=1,1$, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	BOD ₅	mg/L	33	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	COD	mg/L	82,5		
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	55		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh tại khu vực bãi tập kết với lưu lượng lớn nhất là 2,9 m³/ngày.đêm được thu gom về 01 bể tự hoại có thể tích là 12 m³ để xử lý, định kỳ Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của tàu khai thác cát định kỳ được thu gom lưu chứa trong bồn nhựa HDPE bằng đường ống dẫn cao su mềm đường kính 110 mm, dài 25m; định kỳ Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ bãi tập kết cát được thu gom theo mương hở có kích thước dài 20m, rộng 3m, sâu 1m dẫn vào cống BTCT Ø500mm, dài 8m chảy ra hồ lắng. Nước thải sau khi qua 03 hồ lắng đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A với hệ số $k_q = 1,0$; $k_f = 1,1$ trước khi chảy theo 02 đường ống nhựa uPVC Ø220mm, dài 8m, đặt âm dưới mặt đất 0,5m tự chảy ra hồ Dầu Tiếng thuộc ấp Tân hoà, xã Tân Phú, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực bãi tập kết cát: nước thải → bể tự hoại → định kỳ Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của tàu khai thác cát → bồn bằng nhựa HDPE, định kỳ Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển

và xử lý.

- Nước thải từ hoạt động khai thác phát sinh từ bãi tập kết cát: nước thải → hồ lắng 1 → hồ lắng 2 → hồ lắng 3 → Thải ra nguồn tiếp nhận (hồ Dầu Tiếng).

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Kích thước bể tự hoại: số lượng 01 bể, thể tích 12 m³; kích thước 3,5m x 2,3m x 1,5m; kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.

- Kích thước 03 hồ lắng: hồ lắng 1 thể tích 240 m³; hồ lắng 2 thể tích 300m³, hồ lắng 3 thể tích 969 m³.

- Hóa chất sử dụng: Không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với sự cố tắc, bể đường ống thu gom nước thải sinh hoạt: Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; trường hợp xảy ra sự cố bể đường ống thu gom nước thải sinh hoạt, tiến hành ngưng hoạt động sinh hoạt của khu vực nhà vệ sinh để tiến hành thay thế đường ống mới, thông tắc đường ống.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải (cụm hồ lắng) xảy ra sự cố (sạt lở, vỡ hồ): ngưng ngay việc bơm hút cát lên bãi chứa để khắc phục; trong trường hợp vỡ các hồ lắng Công ty phải tạm ngưng hoạt động và tập trung nhân lực, thiết bị để đắp lại cụm hồ lắng để nước không thoát ra môi trường đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát theo dõi hoạt động của mương thoát nước, các hồ lắng để có biện pháp gia cố, khắc phục kịp thời, đồng thời có biện pháp khơi thông dòng chảy tránh tắc nghẽn.

- Báo ngay cho cơ quan nhà nước có chức năng các sự cố để được hỗ trợ và có biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp quá khả năng ứng phó của đơn vị.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục

này trước khi xả thải ra ngoài môi trường (hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý).

3.2. Thực hiện theo Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Tổng cục thủy lợi cấp.

3.3. Nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước của hồ Dầu Tiếng, Công ty phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Tây Ninh và Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam.

3.4. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, máy móc, thiết bị để vận hành hệ thống xử lý nước thải hiệu quả, công trình thu gom, xử lý nước thải đạt chuẩn quy định.

3.6. Thực hiện công khai thông tin kết quả quan trắc nước thải của Nhà máy theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Cơ sở đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $k_q = 1,0$; $k_f = 1,1$; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do Cơ sở không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

2. Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị hoạt động tại Cơ sở phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm Việt Nam và mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện cơ giới và phương tiện thủy nội địa theo quy định.

3. Quy định tốc độ các phương tiện khi chạy trên các đoạn đường nội bộ khu vực bãi tập kết.

4. Phun, tưới nước thường xuyên khu vực sân bãi để giảm thiểu bụi.

5. Thường xuyên duy tu, nâng cấp, sửa chữa tuyến đường đất dẫn vào mỏ.

6. Tất cả các xe chở cát đi tiêu thụ phải có bạt che, phủ kín thùng xe, không để làm rơi cát trong quá trình vận chuyển.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: phát sinh từ các tàu hút và vận chuyển cát tại khu vực khai thác.
- Nguồn số 02: phát sinh từ các từ hoạt động của thiết bị máy móc, phương tiện cơ giới tại bãi tập kết cát.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí số 01 (tương đương với nguồn số 01): $X = 1273768$; $Y = 574340$.
- Vị trí số 02 (tương đương với nguồn số 01): $X = 1273541$; $Y = 574559$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Thường xuyên, kiểm tra, thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
- Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phớt,...

- Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su để cách ly rung động.

- Sử dụng các thiết bị phòng hộ cá nhân như găng tay đặc biệt có lớp lót dày bằng cao su tại lòng bàn tay khi làm việc với máy móc có độ rung lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	20	Rắn	NH
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	5	Rắn	NH
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	120	Lỏng	NH
4	Bao bì mềm thải (dính thành phần nguy hại)	18 01 01	6	Rắn	KS
5	Bao bì kim loại cứng (dính thành phần nguy hại)	18 01 02	60	Rắn	KS
6	Bao bì nhựa cứng (dính thành phần nguy hại)	18 01 03	24	Rắn	KS
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả các vật liệu lọc chưa nều tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	200	Rắn	KS
Tổng cộng		-	435	-	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại
1	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải khác với các loại trên (Bùn thải từ quá trình nạo vét hồ lắng)	12 06 12	4.553.000	Rắn/Bùn	TT-R

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại
2	Chất thải từ vỏ cây, gỗ loại bỏ (<i>Cành lá, rễ cây chưa kịp phân huỷ lẫn trong quá trình bơm hút cát</i>)	09 03 01	100	Rắn	TT-R
3	Các bộ phận, thiết bị, linh kiện khác với các loại nêu trên (<i>Sắt thép phế liệu không nhiễm chất thải nguy hại từ quá trình thay thế linh kiện của máy móc thiết bị hư hỏng</i>)	15 02 15	200	Rắn	TT-R
Tổng cộng			4.553.300	-	-

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	5

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu giữ:

Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

2.1.2. Kho lưu giữ:

- Diện tích kho: 5 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: kho được xây tường gạch bao quanh, mái che bằng tôn; nền bê tông, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu giữ:

Thùng chứa, bao bì.

2.2.2. Kho lưu giữ:

- Diện tích kho: 5 m².

- Thiết kế, cấu tạo: xây dựng kho chứa có kết cấu tường gạch bao quanh, mái che tôn, sàn đúc bê tông cốt thép, mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu, bố trí gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

2.2.3. Biện pháp xử lý:

- Sắt thép phế liệu không nhiễm chất thải nguy hại từ quá trình thay thế linh kiện của các máy móc thiết bị hư hỏng: Bán phế liệu.

- Cành lá rế cây: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Bùn đất từ quá trình nạo vét hồ lắng: được tận dụng để đắp bờ, gia cố nền, duy tu sửa chữa tuyến đường giao thông trong khu vực bãi tập kết của Cơ sở.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy dung tích chứa từ 20 – 120 lít.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

2.3.3. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

3. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại đảm bảo theo yêu cầu quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
 ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung về cải tạo phục hồi môi trường

- Khu vực khai trường khai thác:

+ Trục vớt toàn bộ phao, xích, rùa; di dời máy móc thiết bị phục vụ khai thác ra khỏi khai trường;

+ Di dời các thiết bị khai thác lên bờ, rút các ống hút cát ra khỏi khai trường;

+ Đo vẽ địa hình đáy suối đoạn thuộc khu vực khai thác;

+ Quan trắc, đánh giá chất lượng nước mặt, bùn đáy; phiêu sinh động, thực vật.

- Khu vực bãi tập kết và nhà điều hành:

+ San gạt mặt bằng tập kết tháo dỡ các hạng mục công trình đã xây dựng, san lấp hệ thống mương thu gom, hệ thống xử lý gồm các hố lắng nhằm đưa mặt bằng về nguyên trạng ban đầu.

+ Di dời toàn bộ thiết bị, vật tư ra khỏi khu vực các bãi chứa.

+ Quan trắc chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn, đất tại khu vực bãi tập kết.

- Cải tạo, phục hồi môi trường đường vận chuyển: sau khi kết thúc khai thác, hoàn trả lại hiện trạng ban đầu là đất trống.

2. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Công tác	Kế hoạch thực hiện
I	Khu vực khai trường khai thác	-
1	Giám sát, dò tìm, thu dọn các chướng ngại vật lòng hồ	Sau khi kết thúc khai thác
2	Cấm cọc quan trắc chống sạt lở	Sau khi kết thúc khai thác
II	Khu vực bãi tập kết cát	-
1	Tháo dỡ các hạng mục công trình bến bãi	Sau khi kết thúc khai thác
2	Trồng cây ven đường nội bộ	Sau khi kết thúc khai thác
3	San gạt làm sạch kho bãi	Sau khi kết thúc khai thác
4	Thuê hút xử lý nước thải sinh hoạt	Sau khi kết thúc khai thác
5	Di chuyển thiết bị khác ra khỏi bãi chứa	Sau khi kết thúc khai thác
6	Tháo dỡ trạm cân	Sau khi kết thúc khai thác

7	Cải tạo hồ lãg	Sau khi kết thúc khai thác
8	Xử lý xói lở bờ đê	Thực hiện định kỳ hằng năm
III	Các công tác cải tạo phục hồi môi trường khác	-
7	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường vận chuyển	Thực hiện định kỳ hằng năm

3. Số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo Quyết định số 2397/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2010 của UBND huyện Tân Châu là 91.300.000 đồng.

- Tính đến ngày 31/12/2023, Công ty đã thực hiện 12 lần ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh (trong tổng số 24 lần) với số tiền đã bao gồm yếu tố trượt giá là 58.965.378 đồng; số tiền chưa bao gồm trượt giá là 55.573.914 đồng.

- Tổng số tiền còn lại phải ký quỹ chưa bao gồm yếu tố trượt giá là 35.726.086 đồng.

- Số lần còn lại phải thực hiện ký quỹ: 12 lần.

- Thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

- Thực hiện đầy đủ các nội dung cải tạo phục hồi môi trường trong thời gian khai thác và sau khi kết thúc khai thác theo đúng tiến độ tại Phần A Phụ lục này.

- Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm đã nêu tại Điều 2 Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn lần 2) số 581/GP-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thu gom, xử lý nước thải từ bãi tập kết cát đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A với hệ số $k_q = 1,0$; $k_f = 1,1$. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt

quy chuẩn quy định ra môi trường.

3. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

4. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

5. Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Cơ sở sau xử lý để kiểm soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động khai thác của Cơ sở theo đúng quy định.

6. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan có thẩm quyền cho phép, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành và theo QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

7. Tuân thủ theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

8. Thực hiện các giải pháp phòng ngừa các hiện tượng dịch chuyển, sạt lở đường bờ, tổ chức theo dõi, giám sát thường xuyên; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng dịch chuyển, sạt lở đường bờ dừng ngay hoạt động khai thác, báo cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

9. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, sự cố sạt lở bờ đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

10. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

11. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

12. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của

pháp luật.

13. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

14. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình khai thác; thực hiện các công tác hỗ trợ cho người dân sống gần khu vực mỏ, đảm bảo an ninh trật tự.

15. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ – CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

16. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện công khai thông tin môi trường của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: Công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải của kỳ quan trắc gần nhất trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại cổng Cơ sở. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết quả quan trắc chất thải định kỳ cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới theo quy định.

18. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

